

TUẦN 16

THỨC CẦN NHỚ

1. Ôn tập về số thập phân

a. Hàng của số thập phân

Số thập phân	2	7	6	,	3	0	2
Hàng	Trăm	Chục	Đơn vị		Phần mười	Phần trăm	Phần nghìn
Quan hệ giữa các đơn vị hai hàng liền nhau	Mỗi đơn vị của một hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau.						
	Mỗi đơn vị của một hàng bằng $\frac{1}{10}$ (hay 0,1) đơn vị của hàng cao hơn liền trước.						

b. Đọc,viết số thập phân

- Muốn đọc một số thập phân, ta đọc lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu “phẩy”, sau đó đọc phần thập phân.
- Muốn viết một số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết viết phần nguyên, viết dấu “phẩy”, sau đó viết phần thập phân.

Ví dụ:

- a) Số thập phân 73,108 đọc là bảy mươi ba phẩy một trăm linh tám.
- b) Số thập phân gồm có năm đơn vị và một phần mười được viết là 5,1.

c . So sánh số thập phân

Muốn so sánh hai số thập phân ta có thể làm như sau:

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

2. Các phép tính với số thập phân

Phép cộng số thập phân

Muốn cộng hai số thập phân ta làm như sau:

- Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho các chữ số ở cùng hàng đặt thẳng cột với nhau.
- Cộng như cộng hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy ở hai số hạng.

Tính chất của phép cộng số thập phân

- + Tính chất giao hoán: Khi đổi chỗ hai số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.
- + Tính chất kết hợp: Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba thì ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của hai số còn lại.

Phép trừ số thập phân

Muốn trừ hai số thập phân ta làm như sau

- Viết số trừ bên dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng hàng đặt thẳng cột với nhau.
- Trừ như trừ hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với dấu phẩy của số bị trừ và số trừ

Phép nhân số thập phân

Muốn nhân một số thập phân với một số tự nhiên ta làm như sau.

Đặt tính và thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên. Đếm trong phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số thì dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

Muốn nhân một số thập phân với một số thập phân ta làm như sau:

- Đặt tính và thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên
- Đếm trong phần thập phân của cả hai thừa số có bao nhiêu chữ số thì dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

Tính chất của phép nhân số thập phân

a) Tính chất giao hoán của phép nhân : Khi ta đổi chỗ các thừa số thì tích không thay đổi

$$a + b = b + a$$

b) Tính chất kết hợp của phép nhân : Khi nhân tích của hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.

Phép chia số thập phân

Muốn chia một số thập phân cho một số tự nhiên ta làm như sau:

- Chia phần nguyên của số bị chia cho số chia.
- Viết dấu phẩy vào bên phải thương đã tìm được trước khi lấy chữ số đầu tiên ở phần thập phân của số bị chia để tiếp tục thực hiện phép chia.
- Tiếp tục chia với từng chữ số ở phần thập phân của số bị chia.

Khi chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà còn dư, ta tiếp tục chia như sau:

- Viết dấu phẩy vào bên phải thương.
- Viết thêm vào bên phải số dư một chữ số 0 rồi chia tiếp.
- Nếu còn dư nữa, ta lại viết thêm vào bên phải số dư một chữ số 0 rồi tiếp tục chia và có thể cứ làm như thế mãi.

Muốn chia một số tự nhiên cho một số thập phân ta làm như sau:

- Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì viết thêm vào bên phải số bị chia bấy nhiêu chữ số 0.
- Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.

Muốn chia một số thập phân cho một số thập phân ta làm như sau:

- Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.
- Nếu chữ số ở phần thập phân của số bị chia ít hơn số chữ số ở phần thập phân của số chia thì ta viết thêm các chữ số 0 vào bên phải số bị chia cho đủ.
- Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.

Nhận xét: Khi nhân số bị chia và số chia với cùng một số khác 0 thì thương không thay đổi

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Phần 1: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Chữ số 5 trong số thập phân 763,543 thuộc hàng nào?

- A. Hàng phần trăm B. Hàng phần mười C. Hàng chục D. Hàng trăm

Câu 2. Số thập phân 60,050 bằng số thập phân nào dưới đây

- A. 60,5 B. 60,05 C. 60,005 D. 6,5

Câu 3. Trung bình cộng của các số sau: 26,45 ; 45,12 và 12,43 là

- A. 84 B. 48 C. 28 D. 71,57

Câu 4. Giá trị của biểu thức: $234,56 \times 55,4 + 234,56 \times 44,6$

- A. 234,56 B. 23456 C. 2345,6 D. 23,456

Câu 5. Số thập phân thích hợp để viết vào chỗ chấm sau: $8\text{m}^2 \ 6\text{dm}^2 = \dots\dots\text{m}^2$

- A. 0,86 B. 8,06 C. 6,6 D. 8,006

Câu 6. Số thập phân gồm ba trăm linh năm đơn vị, bảy phần mười, năm phần trăm được viết là

- A. 305,7 B. 35,07 C. 305,75 D. 35,75

Câu 7. Một ô tô cứ đi 100km thì tiêu thụ hết 12,5l xăng. Hỏi ô tô đó đi quãng đường dài 60km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

- A. 75 l B. 75km C. 7,5km D. 7,5 l

Câu 8. Một phép tính chia có thương là 0,45 và số dư là 0,2. Tìm số bị chia trong phép chia đó biết số chia là số tự nhiên bé nhất có hai chữ số.

- A. 4,5 B. 4,7 C. 47 D. 45

Câu 9: Bằng cách làm tròn số đến hàng phần mười, Nam nói: " Hôm nay mình nhặt được 3,4kg hạt dẻ. Hỏi trên thực tế, số cân nặng hạt dẻ mà Nam đã nhặt được có thể là số đo nào dưới đây?

- A. 3,257kg B. 3,345kg C. 3,381kg d. 3,451kg

Câu 10. Hỗn số $3\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là

- A. 3,009 B. 3,900 C. 3,90 D. 3,09

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- | | | | |
|---|---|---|---|
| a. $45\text{m} = 0,45\text{km}$ |  | $758\text{g} = 0,758\text{kg}$ |  |
| b. $4\ 258\text{cm}^2 = 42,58\text{dm}^2$ |  | $33\text{mm}^2 = 3,3\text{cm}^2$ |  |
| c. $7\text{m}^2\ 7\text{dm}^2 = 7,07\text{m}^2$ |  | $6\text{dm}^2\ 12\text{cm}^2 = 6,12\text{cm}^2$ |  |

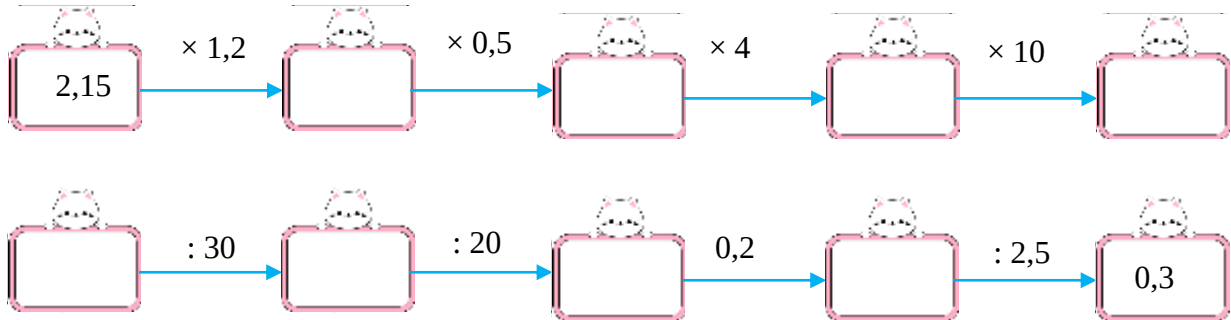
Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Mỗi ô tô chở lượng hàng hóa như hình vẽ.

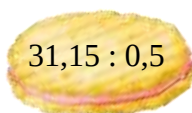
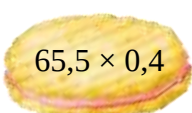
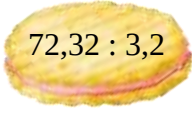
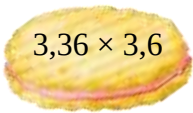
- A.  B.  C. 

- Làm tròn khối lượng hàng hóa của ô tô A đến hàng đơn vị thì được
- Làm tròn khối lượng hàng hóa của ô tô B đến hàng phần mười thì được
- Làm tròn khối lượng hàng hóa của ô tô C đến hàng phần trăm thì được

Bài 4: Số



Bài 5: Nối mỗi phép tính với kết quả của phép tính đó

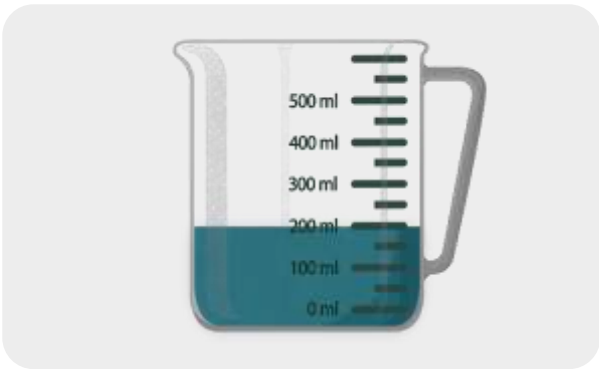


Phần 2: Tự luận

Bài 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm



Bút chì dài.....cm



Ca nước chứa.....l nước



Quả lê cân nặng.....kg

Bài 2: Hoàn thành bảng sau

Số thập phân	Làm tròn đến hàng phần trăm	Làm tròn đến hàng phần mười	Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất
287,549			
19,371			
6,053			
0,876			

Bài 3:

Phan-xi-păng nằm trên ranh giới giữa Lai Châu và Lào Cai. Đỉnh núi Phan-xi-păng nằm trên dãy núi Hoàng Liên Sơn hùng vĩ và được mệnh danh là "nóc nhà Đông Dương". Đỉnh núi này cao 3 143m.



Tam Đảo là một dãy núi ở vùng Đông Bắc Việt Nam nằm trên địa bàn thành phố Hà Nội và ba tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang. Gọi là Tam Đảo vì ở đây có ba ngọn núi nhô lên biển mây, đó là Thạch Bàn, Thiên Thị và Phù Nghĩa. Ngọn cao nhất là Thiên Thị có độ cao 1591m



Đường lên đỉnh núi Nam Khang Ho Tao thuộc bản Thảo A, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Đỉnh núi này có độ cao 2 881m.



Đỉnh núi Pu Ta Leng nằm ở tỉnh Lai Châu. Đỉnh núi này cũng nằm trên dãy núi Hoàng Liên Sơn, ở phía Tây Bắc đỉnh Phan-xi-păng, có độ cao 3 049m.

a) Điền vào ô trống cho thích hợp

Tên đỉnh núi	Độ cao đỉnh núi Đơn vị: mét	Độ cao đỉnh núi Đơn vị: ki-lô-mét

b) Sắp xếp độ cao các đỉnh núi theo thứ tự từ bé đến lớn

Bài 4: Đặt tính rồi tính

a) $78,58 + 9,72$

$6,71 + 12,9$

$92,4 - 78,23$

$83,2 - 9,54$

b) $9,8 \times 21$

$6,32 \times 7,4$

$14,7 : 0,35$

$99 : 8,25$

Bài 5: Tính giá trị biểu thức

a) $43,2 : 12 - 2,76$

$0,84 : 1,2 \times 3,5$

b) $100 - 12,6 \times 5$

$27,83 - 14,56 : 4,16$

c) $12,8 + 3,4 : 17$

$16,8 : (3,9 + 1,7)$

Bài 6: Tính nhâm

a) $34,09 \times 10$

$$45,89 \times 100$$

$$38,94 \times 1000$$

$$31,25 \times 10000$$

b) $0,26 \times 0,1$

$$2,84 \times 0,01$$

$$65,47 \times 0,001$$

$$15,9 \times 0,001$$

c) $4,6 : 10$

$$13,9 : 10$$

$$34,89 : 100$$

45,89 : 1000

d) $31,45 : 0,1$

$$15,89 : 0,01$$

$$62,03 : 0,001$$

$$34,09 : 0,001$$

Bài 7*: Tính bằng cách thuận tiện

a) $0,15 \times 0,23 + 0,23 \times 0,85$

e) $2,4 \times 10 + 5,6 : 0,1 + 2 : \frac{1}{10}$

b) $1,45 \times 0,36 - 0,36 \times 0,45$

g) $3,47 \times \frac{1}{2} - 2,47 : 2 + 0,5$

c) $0,25 \times 3,6 \times 0,4 + 0,36 \times 10 + 0,36 \times 8$

$$\text{d) } 0,9 \times 95 + 1,8 \times 2 + 0,45 : \frac{1}{2}$$

$$\text{h) } 36,7 \times 0,01 + 46,6 : 100 + 16,7 \times \frac{1}{100}$$

Bài 8: Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân

a) Có đơn vị đo là ki-lô-mét

$21\text{km}15\text{m} = \dots\dots\dots$

$1\,750\text{m} = \dots\dots\dots$

$120\text{km}300\text{m} = \dots\dots\dots$

$5\,432\text{m} = \dots\dots\dots$

b) Có đơn vị đo là ki-lô-gam

$4\text{kg}320\text{g} = \dots\dots\dots$

$2\,358\text{g} = \dots\dots\dots$

$15\text{kg}\,53\text{g} = \dots\dots\dots$

$500\text{g} = \dots\dots\dots$

c) Có đơn vị đo là mét vuông

$3\text{m}^218\text{dm}^2 = \dots\dots\dots$

$670\text{dm}^2 = \dots\dots\dots$

$28\text{m}^23\text{dm}^2 = \dots\dots\dots$

$32\text{dm}^2 = \dots\dots\dots$

Bài 9: Trong một giải điền kinh cho học sinh phổ thông, ở cự li chạy 60m, người ta quy định xếp hạng như sau:

	Nam			Nữ		
Xếp hạng	1	2	3	1	2	3
Thời gian (giây)	8,5	9,2	10,0	9,4	10,0	10,5

a) Ba bạn nam Hùng, Huy, Tú tham gia giải chạy 60m với thời gian lần lượt là 9,95 giây; 7,9 giây; 10,1 giây.

Hùng xếp hạng.....; Huy xếp hạng.....; Tú xếp hạng.....

b) Ba bạn nữ Thu, Phượng, Lan tham gia giải chạy 60m với thời gian lần lượt là 9,75 giây; 10,51 giây; 10,15 giây.

Thu xếp hạng.....; Phượng xếp hạng.....; Lan xếp hạng.....

Bài 10: Không cần tính, hãy điền dấu <, >, = vào chỗ chấm:

$2,18 + 9,6 \dots 9,6 + 2,18$

$4,9 \times 76,8 \dots 7,68 \times 4,9$

$(83,4 + 9,9) + 10,1 \dots 83,4 + (9,9 + 10,1)$

$(5,78 \times 3,1) \times 9,3 \dots 5,78 \times (3,1 \times 9,3)$

$(44 + 0,08) \times 25 \dots 44 \times 2,5 + 0,08 \times 2,5$

$(15,6 - 4,2) \times 0,1 \dots 15,6 \times 0,1 - 1,9 \times 0,1$

Bài 11: Các loại hạt được đóng gói trong túi mỗi túi 0,7kg: hướng dương đóng trong 20 túi, hạt điều đóng trong 15 túi, đậu phộng đóng trong 10 túi. Hỏi có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam hạt được đóng gói?

Bài 12: Mỗi sợi đèn nháy trang trí dài 3,5m. Hỏi nếu cần trang trí vòng quanh một khuôn viên hình tròn có chu vi 75,6m thì cần mua ít nhất bao nhiêu sợi dây đèn nháy trang trí như thế?

Bài 13: Trong kho có một số túi bột mì. Đầu bếp đã dùng 2,8kg bột mì. Khi đó, trong kho còn lại 12,7kg bột mì. Hỏi lúc đầu trong kho có bao nhiêu túi bột mì? Biết mỗi túi bột mì đựng 0,5kg bột mì?



Bài 14: Người ta cần xây một bức tường cao 3,6m bằng gạch đặc hoặc gạch lỗ. Biết rằng mạch vữa không đáng kể, hỏi để xây hết chiều cao của bức tường người ta cần phải xây bao nhiêu hàng gạch nếu:



- a) Bức tường xây hoàn toàn bằng gạch đặc (Biết rằng mỗi viên gạch đặc có chiều cao 0,15m)
- b) Bức tường xây hoàn toàn bằng gạch lỗ (Biết rằng mỗi viên gạch lỗ có chiều cao 0,2m)

Bài 15: Để may khăn lau bếp, một người nội trợ cắt một mảnh vải dài 5,5m thành các mảnh nhỏ, mỗi mảnh dài 0,65m. Mảnh vải còn lại dài 0,95m. Hỏi người đó đã may được bao nhiêu chiếc khăn?



Bài 16*: Cho các thẻ số:



Từ các tấm thẻ trên, hãy lập các số thập phân. Biết rằng các số thập phân lập được có bốn chữ số khác nhau mà phần nguyên có hai chữ số và số thập phân đó bé hơn 60.

Bài 17*: Viết ba số thập phân có ba chữ số ở phần thập phân lớn hơn 9,61 và nhỏ hơn 9,62. Biết các số thập phân đó có tổng các chữ số ở phần thập phân là một số chia hết cho 3.

Bài 18*: Tìm một số chưa biết, biết rằng nếu lấy số đó cộng với 0,65 rồi cộng với 0,3 sau đó trừ đi 17,2 được bao nhiêu chia cho 5 được kết quả là 6,1.

Bài 19*: a) Hãy viết tất cả các số thập phân lớn hơn 125,4 và bé hơn 125,5 mà ở phần thập phân có hai chữ số.
b) Tính tổng các số thập phân đó bằng cách thuận tiện.

Bài 20*: Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm



11,6l

4,2l

.....l

17,9l



.....l

.....l

.....l

17,9l



1l

.....l

7,8l

17,9l





17,9l

17,9l

17,9l